

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 24-5-2018
V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Đức
2. Ông Nguyễn Công Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 13/3/2018 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐST - DS ngày 21 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/QĐST - DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Võ Quang S, sinh năm 1983; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. bà Lê Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2.2. chị Lê Thị Ô, sinh năm 1995; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có văn bản từ chối tham gia tố tụng).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Võ Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3.2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1946; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3.2. Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1990; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2018, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Võ Quang S trình bày:

Ông và ông Trần Văn Đ (chồng bà M) là anh em cô cậu ruột. Vào ngày 24/10/2016 (âm lịch), bà M và hai người con gái là Lê Thị Ô và Trần Thị K có đến gặp ông để hỏi

vay số tiền 70.000.000 đồng. Người trực tiếp giao kết hợp đồng vay với ông và nhận tiền vay là bà M. Việc vay tiền, hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, kỳ hạn đến ngày 24/10/2017 (âm lịch) sẽ trả nợ. Theo lời của bà M, mục đích vay số tiền trên là để tạo nguồn vốn làm ăn. Sau khi vay, bà M chỉ trả lãi vài tháng với tổng số tiền khoảng 5.000.000 đồng và không thực hiện nghĩa vụ trả vốn như đã thỏa thuận. Sau đó, mặc dù ông nhiều lần yêu cầu nhưng bà M và ông Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay trên mà còn thách thức ông khởi kiện. Do đó, nay ông yêu cầu bà M và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay 70.000.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi. Riêng đối với chị Lê Thị Ô, do không giao kết hợp đồng vay trên nên ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

Theo bản tự khai ngày 21/3/2018, trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 24/10/2016 (âm lịch), bà và hai người con là Lê Thị Ô và Trần Thị K có đến hỏi vay của ông S số tiền 70.000.000 đồng. Khi giao kết hợp đồng vay, hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận lãi suất 2.000.000 đồng/tháng/70 triệu đồng, kỳ hạn đến ngày 24/10/2017 (âm lịch) sẽ trả nợ. Mục đích bà vay số tiền trên là để vợ chồng bà trả nợ. Đây là nợ chung của bà và ông Đ. Sau khi vay, bà trả lãi được một năm (12 tháng) với tổng số tiền 24.000.000 đồng. Sau đó, hai bên thỏa thuận: bà sẽ trả cho ông S mỗi tháng 1.600.000 đồng trong thời gian 50 tháng thì xem như trả hết số nợ vay trên. Sau đó, bà có đưa cho ông S 07 lần trong khoảng thời gian 7 tháng với tổng số tiền là 11.200.000 đồng thì ngừng không trả nữa do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn. Tổng số tiền mà bà đã trả cho ông S là 35.200.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, nay bà đồng ý liên đới cùng với ông Đ trả số tiền vay 70.000.000đ theo yêu cầu của ông S, bà không yêu cầu tính lại lãi suất đối với số tiền lãi đã trả. Tuy nhiên, bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Ông Võ Quang S giữ nguyên trình bày, yêu cầu.
- Chị Lê Thị Ô có đơn từ chối tham gia tố tụng. Riêng ông bà Lê Thị M, Võ Thị D, Trần Văn Đ và anh Nguyễn Vũ P vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định pháp luật khi vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn bà M thừa nhận nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 275, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của bà M về việc trả nợ bằng hình thức trả dần không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp quy định của pháp luật nên không thể chấp nhận. Riêng trình bày của các bên về số tiền lãi không thống nhất nhưng

không ai cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng không có tranh chấp hay yêu cầu nên không xem xét. Đồng thời, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Ô. Xét việc rút yêu cầu trên là phù hợp do không có chứng cứ chứng minh chị Ô liên quan đến số tiền vay trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Tại phiên tòa, chị Lê Thị Ô vắng nhưng có đơn từ chối tham gia tố tụng. Riêng ông bà Lê Thị M, Võ Thị D, Trần Văn Đ và anh Nguyễn Vũ P mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang S yêu cầu bà Lê Thị M và ông Trần Văn Đ liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy. Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của bà M. Mặt khác, trong quá trình tố tụng, bà M hoàn toàn thừa nhận vào ngày 24/10/2016 (âm lịch) có vay của ông S số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng/70 triệu đồng, kỳ hạn đến ngày 24/10/2017 (âm lịch) sẽ trả nợ; đây là nợ chung của bà và ông Đ; do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên bà và ông Đ chưa trả nợ như đã thỏa thuận. Bên cạnh đó, trên cơ sở kết quả xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định bà M và ông Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/1996 và chung sống từ đó đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân, hai bên cùng làm ăn chung. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 275, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về số tiền lãi đã trả, theo bà M cho rằng bà đã trả cho ông S 19 tháng với tổng số tiền là 35.200.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, ông S xác nhận bà M chỉ đóng vài tháng lãi với tổng số tiền khoảng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, do trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, không ai yêu cầu tính lãi và tính lại lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét việc bà M yêu cầu được trả số tiền 70.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ không được ông S đồng ý, và xét yêu cầu trên không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Riêng việc ông S rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Lê Thị Ô, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu trên của ông S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí DS-ST có giá ngạch (70.000.000đ x 5%): do yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang S được chấp nhận nên bà Lê Thị M và ông Trần Văn Đ phải liên đới nộp

số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 275, 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang S. Buộc bà Lê Thị M và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Quang S số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc bà M yêu cầu trả số tiền 70.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Ghi nhận bà M tự nguyện không yêu cầu tính lại lãi suất.

2/- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang S đối với chị Lê Thị Ô.

3/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) buộc bà Lê Thị M và ông Trần Văn Đ phải liên đới nộp.

Trả lại cho ông Võ Quang S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014648 ngày 06/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

